

Bài 28. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Qua bài học, HS cần nắm được :

- Ba đặc điểm cơ bản của địa hình Việt Nam.
- Mối quan hệ của địa hình với các thành tố khác trong cảnh quan thiên nhiên.
- Tác động của con người làm biến đổi địa hình ngày càng mạnh mẽ.
- Rèn luyện kỹ năng đọc bản đồ địa hình Việt Nam. Hình dung được cấu trúc cơ bản của địa hình nước ta.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý CỦA BÀI HỌC

1. Vai trò của địa hình

Địa hình là kết quả tác động của các nhân tố nội lực, ngoại lực và con người. Ngược lại, địa hình cũng tác động mạnh mẽ đến các thành phần khác trong môi trường tự nhiên. GV cần nêu ngắn gọn về vai trò của địa hình và lấy ví dụ ở Việt Nam để nêu bật kiến thức đó.

2. Cấu trúc địa hình Việt Nam

SGK trình bày 3 đặc điểm nổi bật :

– Đặc điểm thứ nhất nói lên cấu trúc chung của địa hình Việt Nam. Trong đó nét nổi bật là địa hình đồi núi chiếm diện tích lớn nhất, quan trọng nhất.

– Đặc điểm thứ hai nói lên tác động mạnh mẽ của Tân kiến tạo, nhân tố quyết định bộ mặt địa hình nước ta : Tính chất trẻ lại và tính chất phân bậc của địa hình Việt Nam.

– Đặc điểm thứ ba nói lên tác động trực tiếp, thường xuyên của nhân tố ngoại lực cùng với nhân tố con người ở Việt Nam. Cần lưu ý tới nhận định : “Ngoại lực là nhân tố chủ yếu và trực tiếp hình thành địa hình hiện đại của nước ta”.

Để giảng dạy tốt phần này GV cần :

– Xem lại các kiến thức đã giảng dạy về địa hình chung trong chương trình Địa lí lớp 6 (chương II, các bài 13, 14, 15, 16).

– Xem lại Bài 25 : Lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam.

Tìm hiểu quan hệ của các giai đoạn Cổ kiến tạo, Tân kiến tạo, các chu kỳ tạo núi Calêđôni, Hecxini, Indôxini, Himalaya với sự hình thành địa hình nước ta.

Sự phát triển địa hình lãnh thổ nước ta (xét chủ yếu trên đất liền) chịu tác động của nhiều nhân tố và trải qua các giai đoạn chính :

– Sự hình thành các nền móng địa hình ban đầu vào Tiền Cambri.

– Sự ổn định và mở rộng lãnh thổ của giai đoạn Cổ kiến tạo. Hình thành những đường nét cơ bản của địa hình chung.

– Sự san bằng địa hình (quá trình bán bình nguyên hoá) vào thời kì trước vận động Tân kiến tạo.

– Sự nâng cao địa hình vào Tân kiến tạo do vận động tạo núi Hi-ma-lay-a làm cho núi non, sông ngòi trẻ lại và kéo dài tới ngày nay. Tân kiến tạo diễn ra thành nhiều đợt (chu kì) và có cường độ không đồng đều giữa các khu vực.

– Sự cắt xẻ, xâm thực của ngoại lực nhất là trong điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm tạo nên các dạng địa hình hiện đại.

– Sự tác động của con người ngày càng mạnh mẽ tạo nên các dạng địa hình nhân tạo : đê, đập, kênh, rạch, hồ chứa nước.

Một nét nổi bật có tính quy luật của địa hình nước ta là tính kế thừa và thống nhất giữa Tân kiến tạo và Cổ kiến tạo. Tân kiến tạo đã khôi phục các kiến tạo cổ của địa hình đã có từ giai đoạn trước.

III. CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CẦN THIẾT

– Bản đồ tự nhiên Việt Nam.

– Lát cắt địa hình (phóng to từ Atlas địa lí Việt Nam).

– Hình ảnh một số dạng địa hình cơ bản của Việt Nam như :

+ Địa hình cacxtơ.

+ Địa hình cao nguyên badan.

+ Địa hình đồng bằng châu thổ.

+ Địa hình nhân tạo : đê sông, đê biển, hồ chứa nước.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH GIẢNG DẠY BÀI MỚI

1. Lời giới thiệu

GV có thể xuất phát từ khu vực địa hình nơi trường đóng để mở rộng sự hiểu biết của HS. Đặt thành câu hỏi : Ngoài các dạng địa hình của địa phương, chúng ta còn có những dạng địa hình nào khác ? Địa hình nước ta có những đặc điểm chung gì ? Hoặc có thể căn cứ vào bản đồ địa hình để vào bài bằng cách cho HS nhận xét về tính đa dạng của địa hình nước ta. Từ đó dẫn HS vào nội dung bài học.

2. Gợi ý giảng dạy mục 1 : Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam

Địa hình nước ta đa dạng nhiều kiểu loại, trong đó quan trọng nhất là địa hình đồi núi. Vì sao ?

- Vì đồi núi chiếm tới 3/4 lãnh thổ đất liền và là dạng phổ biến nhất. Ngay ở đồng bằng châu thổ ta cũng bắt gặp các đồi núi sót nhô cao trên mặt đồng bằng (núi Đèo Sơn, Con Voi, Tam Điệp, Sầm Sơn, Bà Đen, Bảy Núi...).

- Đồi núi ảnh hưởng nhiều đến cảnh quan chung : sự xuất hiện các đai cao tự nhiên theo địa hình (đai nhiệt đới chân núi, đai á nhiệt đới núi trung bình, đai ôn đới núi cao...).

- Đồi núi ảnh hưởng lớn tới phát triển kinh tế - xã hội. Vùng đồi núi có những thế mạnh riêng về kinh tế, khai thác khoáng sản, xây dựng hồ thủy điện, trồng cây công nghiệp dài ngày, chăn nuôi gia súc lớn, phát triển du lịch sinh thái..., nhưng đồi núi cũng có nhiều khó khăn trở ngại về đầu tư phát triển kinh tế, về giao thông vận tải,... Do vậy miền đồi núi nước ta vẫn còn là vùng kinh tế chậm phát triển, đời sống vất vả hơn so với các vùng khác.

3. Gợi ý giảng dạy mục 2 : Địa hình nước ta được Tân kiến tạo nâng lên và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau

- GV cần làm rõ hiện tượng trẻ lại với các dẫn chứng như :

+ Sự nâng cao của Tân kiến tạo với biên độ lớn tạo nên các núi trẻ có độ cao lớn điển hình là Hoàng Liên Sơn.

+ Sự cắt xẻ sâu của dòng nước tạo ra các thung lũng sâu, hẹp, vách dựng đứng, điển hình là thung lũng sông Đà.

+ Địa hình cao nguyên badan núi lửa trẻ với các đứt gãy sâu tại Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

+ Sự sụt lún sâu tại một số khu vực để hình thành các đồng bằng trẻ của sông Hồng, sông Cửu Long và khu vực vịnh Hạ Long.

- Về đặc điểm phân tầng của địa hình : GV cần sử dụng lát cắt địa hình trong Atlas địa lí Việt Nam hoặc tự vẽ lên bảng. Từ đó phân chia các bậc địa hình lớn như miền núi, miền đồng bằng, thềm lục địa. Trong miền núi còn có thể nêu thêm các bề mặt san bằng cổ như Sa Pa, Đà Lạt ở độ cao 1500 m.

4. Gợi ý giảng dạy mục 3 : Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa và chịu tác động mạnh mẽ của con người

GV có thể cho HS đọc SGK và trả lời các câu hỏi trong sách. Về tác động của việc phá rừng tới địa hình có thể nêu ngắn gọn như sau : Khi rừng bị con người chặt phá để lấy gỗ hoặc lấy đất làm nương rẫy, mưa lũ xói mòn mạnh hơn, nhanh chóng bóc đi lớp đất mặt tươi xốp. Địa hình trở nên trơ trụi. Các hiện tượng núi lở, đất trượt, lũ bùn, lũ đá liên tiếp xảy ra tàn phá đồng ruộng, bản làng. GV có thể dẫn ví dụ ở địa phương (nếu có).

V. GỢI Ý TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI KHÓ

1. Tìm trên bản đồ tự nhiên Việt Nam một số dãy núi và sông lớn chạy theo hướng tây bắc – đông nam

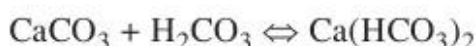
– Các dãy núi : Hoàng Liên Sơn, Con Voi, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao, Trường Sơn Bắc.

– Các dòng sông : Hồng, Đà, Mã, Cả, Gianh, Ba, Tiên, Hậu...

2. Giải thích sự hình thành các dạng địa hình

a) Địa hình cacxtơ nhiệt đới

Địa hình này ở nước ta chiếm khoảng 50 000 km², bằng 1/6 lãnh thổ đất liền. Trong nước mưa có thành phần CO₂, khi tác dụng với đá vôi gây ra phản ứng hòa tan đá :



Sự hoà tan đá vôi ở vùng nhiệt đới như nước ta xảy ra rất mãnh liệt. Địa hình cacxtơ ở nước ta có đỉnh nhọn, sắc sảo (đá tai mèo) với nhiều hang động có những hình thù kì lạ.

b) Địa hình cao nguyên badan

Các cao nguyên badan ở Việt Nam hình thành vào đại Tân sinh do dung nham núi lửa phun trào theo các đứt gãy. Chúng tập trung ở Tây Nguyên và rải rác một số nơi khác như Nghệ An, Quảng Trị, Đông Nam Bộ... Tổng diện tích badan tới hơn 20 000 km².

c) Địa hình đồng bằng phù sa trẻ

Ở Việt Nam các đồng bằng này nguyên là những vùng sụt lún vào Đại Tân sinh. Sau đó được bồi đắp dần bằng vật liệu trầm tích do sông ngòi bóc mòn từ miền núi đưa tới. Lớp trầm tích phù sa có thể dày 5 000 – 6 000 m. Tổng diện tích các đồng bằng khoảng 70 000 km². Trong đó lớn nhất là đồng bằng sông Cửu Long 40 000 km². Các đồng bằng còn đang phát triển, mở rộng ra biển hàng trăm héc ta mỗi năm.

d) Địa hình đê sông, đê biển, hồ chứa là những địa hình nhân tạo

Đê sông được xây dựng chủ yếu ở đồng bằng Bắc Bộ, dọc hai bờ sông Hồng, sông Thái Bình... để chống lũ lụt. Hệ thống đê dài trên 2700 km đã ngăn đồng bằng thành các ô trũng nằm thấp hơn mực nước sông vào mùa lũ từ 7 đến 10 m.

Các hồ chứa nước do con người đắp đập ngăn sông, suối tạo thành. Ở Việt Nam có hàng trăm hồ lớn nhân tạo với nhiều chức năng khác nhau. Ví dụ : hồ thủy điện Hoà Bình, Trị An, Thác Bà... ; hồ thủy lợi Dầu Tiếng, Kẻ Gỗ...